

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 253/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 - 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Thụy;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 383A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 số giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Mỹ C**, sinh năm 1973; địa chỉ: **số B, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**; vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1974; địa chỉ: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Ngô Mỹ C** trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà **C** và ông **T** chung sống với nhau vào năm 2000, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà **C** và ông **T** có sinh 01 con chung tên **Phạm Ngô Mỹ H**, sinh năm 2003 hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; không có tài sản chung, nợ chung.

C1 sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông **T** không lo làm ăn, hay uống rượu bia, mỗi lần uống rượu bia ông **T** có những lời lẽ xúc phạm đe dọa bà **C**. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay.

Do tình cảm không còn nên bà **C** yêu cầu được ly hôn với ông **T**; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh của **Phạm Ngô Mỹ H**, sinh năm 2003.*

- Bị đơn ông **Phạm Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Bà **Ngô Mỹ C** và ông **Phạm Văn T** quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Vợ chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không thể giải quyết, do không thể hàn gắn được nên không chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay. Nay, yêu cầu ly hôn với ông **T**.

Xét thấy, theo Công văn số 303/UBND ngày 13/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **An Giang** và Công văn số 156/UBND ngày 14/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Hậu Giang** cung cấp thông tin, xác định không tìm thấy thông tin kết hôn giữa bà **C** và ông **T** nên có cơ sở xác định bà **C** và ông **T** chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà **C** và ông **T** là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung **Phạm Ngô Mỹ H**, sinh năm 2003. Hiện con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Không công nhận bà **Ngô Mỹ C** và ông **Phạm Văn T** là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà **Ngô Mỹ C** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Phạm Văn T**. Đồng thời, ông **T** cư trú trên địa bàn **huyện C**. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà **Ngô Mỹ C** có đơn xin xét xử vắng mặt, ông **Phạm Văn T** đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **C**, ông **T** theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà **Ngô Mỹ C** xác định, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà **C**, ông **T** chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông **T**, nhưng ông **T** không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn và ý kiến về việc bà **C**, ông **T** chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo Công văn số 303/UBND ngày 13/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **An Giang** và Công văn số 156/UBND ngày 14/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Hậu Giang** cung cấp thông tin, xác định không tìm thấy thông tin kết hôn giữa bà **C** và ông **T** nên có cơ sở xác định bà **C** và ông **T** chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên có cơ sở xác định bà **C** và ông **T** chung sống nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, bà **C** và ông **T** chung sống với nhau vào năm 2000. Mặc dù, có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà **C**, ông **T** không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà **C** và ông **T** là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Ngô Mỹ H**, sinh năm 2003 hiện con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **C** xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **C** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông **T** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà **Ngô Mỹ C** và ông **Phạm Văn T** là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà **Ngô Mỹ C** và ông **Phạm Văn T** có 01 con chung tên **Phạm Ngô Mỹ H**, sinh năm 2003 hiện con chung đã thành niên.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà **Ngô Mỹ C** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015345 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 09 tháng 4 năm 2024; bà **Ngô Mỹ C** đã nộp đủ án phí.

Ông **Phạm Văn T** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà **Ngô Mỹ C**, ông **Phạm Văn T** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

